TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-KDTM	*Yên Mô, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2023/TLST – KDTM ngày 10/02/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 H, phường H, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý, theo văn bản Ủy quyền số 58/2023/UQN- CTQT ngày 12/7/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn A: Ông Nguyễn Mạnh Th, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; địa chỉ: Tầng 3, L, số 925 đường V, thị trấn T, huyện L, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Nh, sinh năm 1987 và ông Vũ Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 1, S, xã Th, huyện M, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1957 và bà Tạ Thị G, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 1 S, xã Th, huyện M, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP V và bà Trịnh Thị Nhu, ông Vũ Văn D có ký kết hai hợp đồng cho vay hạn mức số LN 2110264577545 ngày 02/11/2021 và số LN 2111294791570 ngày 30/11/2021.

2.2. Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 3764, tờ bản đồ 215b, địa chỉ: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; theo giấy CNQSDĐ số K532098 mang tên ông Vũ Văn Ch.

2.3. Tính đến ngày 11/7/2023 bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D còn nợ V số tiền là 4.529.282.320đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng), trong đó*:*

+ Nợ gốc: 3.829.000.000đồng

+ Nợ lãi: 664.513.683 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 35.768.637đồng

2.4. Bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D phải trả cho V số tiền nợ 4.529.282.320đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng), Trong đó:

+ Nợ gốc: 3.829.000.000đồng

+ Nợ lãi: 664.513.683 đồng

+ Nợ lãi chậm trả: 35.768.637đồng

Thời điểm thanh toán vào ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận có hiệu lực pháp luật.

2.5. Kể từ ngày 11/7/2023, hằng tháng bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D tiếp tục phải trả cho V khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức cho đến ngày bà Nh và ông D thực tế thanh toán hết nợ cho V.

2.6. Trường hợp bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 3764, tờ bản đồ 215b, địa chỉ: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; thông tin giấy CNQSDĐ số K532098, số vào sổ cấp GCN: Kg 1726 QSDĐ/HYM do Ủy ban nhân dân huyện Yên Mô, Ninh Bình cấp ngày 20/08/1997 mang tên ông Vũ Văn Ch.

2.7. V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của Tòa án cho đến khi bà Nh và ông D hết nghĩa vụ với V.

2.8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), do V đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà Nh, ông D phải hoàn trả lại cho V số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

2.9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Nh, ông Vũ Văn D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: 56.264.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm sáu tư nghìn đồng). Trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.674.000đồng (Năm chín triệu,

sáu trăm bảy tư nghìn), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006443 ngày 10 tháng 02 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *THADS huyện Yên Mô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn